TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/KDTM-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Sơn Tây;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 181/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn T – Chủ doanh nghiệp tư nhân N1; địa chỉ: Tổ G, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ B, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt
2. Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1997; địa chỉ Tổ B, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Công ty TNHH W; địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ren Wei H – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 06/8/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn – ông Trần Tuấn K trình bày:

Ông Đỗ Văn T – Chủ doanh nghiệp tư nhân N1 chuyên kinh doanh trong lĩnh vực thu mua các loại dăm bào, củi vụn.

Ngày 01/6/2020, ông T ký Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2020 với Công ty TNHH W (gọi tắt là Công ty W) về việc mua bán dăm bào, củi vụn. Theo đó, Công ty W sẽ bán dăm bào, củi vụn cho ông T với thời hạn hợp đồng từ ngày 01/6/2020 đến ngày 01/6/2021. Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng đã ký kết, ông T đã đặt cọc cho Công ty W số tiền Một tỷ đồng. Bắt đầu từ ngày 01/6/2020, ông T đã thu mua dăm bào, củi vụn của Công ty W theo hợp đồng đã ký kết mà không có trở ngại nào. Trước khi Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2020 hết hạn, ông T và người đại diện của Công ty W thỏa thuận tiếp tục thực hiện việc mua bán với nhau và hai bên đã ký Hợp đồng mới số 45/HĐKT/2021 ngày 02/6/2021 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng kinh tế số 45) với thời hạn hợp đồng từ ngày 02/6/2021 đến ngày 31/12/2024. Đồng thời số tiền đặt cọc Một tỷ đồng theo đã đặt cọc theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2020 sẽ được chuyển thành số tiền đặt cọc của Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2021 ngày 02/6/2021.

Ngày 31/7/2024, Công ty W thông báo bằng lời nói với ông T là Công ty W đã bán dăm bào, củi vụn cho người khác nên đề nghị ông T vào Công ty W để thanh lý Hợp đồng kinh tế số 45.

Ông T nhiều lần làm việc với Công ty W để tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng Công ty W kiên quyết từ chối tiếp tục thực hiện Hợp đồng kinh tế số 45.

Việc Công ty W không tiếp tục bán dăm bào, củi vụn cho ông T là vi phạm hợp đồng đã ký kết vì theo thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 45 thì thời hạn kết thúc hợp đồng vào ngày 31/12/2024. Nay Công ty W đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn mà không có lý do chính đáng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân N1. Do đó, ông T khởi kiện với yêu cầu sau:

- Yêu cầu Công ty TNHH W có nghĩa vụ trả số tiền đặt cọc 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và bồi thường vi phạm hợp đồng 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Công ty TNHH W đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn: Công ty TNHH W đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chứng tỏ, bị đơn tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo thủ tục chung. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Nội dung vụ án:

[2] Theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2020, ông Đỗ Văn T – Chủ doanh nghiệp tư nhân N1 có nghĩa vụ đặt cọc số tiền Một tỷ đồng cho Công ty TNHH W để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Ông T đã giao cho Công ty W số tiền đặt 500.000.000 đồng theo Phiếu thu tiền mặt ngày 02/6/2020 và số tiền 500.000.000 đồng theo Phiếu thu tiền mặt ngày 13/11/2020. Trước khi Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2020 hết hạn, giữa ông T và Công ty TNHH W có thỏa thuận ký kết hợp đồng mới. Ngày 02/6/2021, ông T và Công ty W ký kết Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2021 và số tiền đặt cọc Một tỷ đồng đã đặt cọc theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2020 được chuyển thành tiền đặt cọc của Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2021 ngày 02/6/2021. Thời gian thỏa thuận thực hiện của Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2021 từ ngày 02/6/2021 đến ngày 31/12/2024. Ngày 31/7/2024, Công ty W thông báo bằng lời nói với ông T là Công ty W đã bán dăm bào, củi vụn cho người khác nên đề nghị ông T vào Công ty W để thanh lý Hợp đồng số 45/HĐKT/2021 ngày 02/6/2021. Ông T không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

[3] Trong quá trình tố tụng, Công ty W đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Theo thỏa thuận tại điểm 4.1.4 khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2021 ngày 02/6/2021 có nội dung: Bên B (Công ty TNHH W) không được bán dăm bào, củi vụn cho bất kỳ tổ chức – cá nhân nào khác trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, nếu Bên A (Doanh nghiệp tư nhân N1) phát hiện Bên B bán cho người khác Bên B sẽ bồi thường gấp đôi số tiền cọc cho bên A. Thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 02/6/2021 đến ngày 31/12/2024. Tuy nhiên ngày 31/7/2024, Công ty W đơn phương chấm dứt hợp đồng. Việc Công ty W đơn phương chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2021 là vi phạm thỏa thuận tại điểm 4.1.4 khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2021 và khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Đỗ Văn T (Chủ doanh nghiệp tư nhân N1) khởi kiện yêu cầu Công ty W trả lại số tiền đặt cọc Một tỷ đồng và bồi thường số tiền Một tỷ đồng do vi phạm hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 30, 35, 39, 147, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T – Chủ doanh nghiệp tư nhân N1. Buộc Công ty TNHH W có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn T – Chủ doanh nghiệp tư nhân N1 số tiền đặt cọc 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH W phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng

2.2. Trả lại cho Ông Đỗ Văn T – Chủ doanh nghiệp tư nhân N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004450 ngày 17/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Tân Uyên;
- Chi cục THADS tp. Tân Uyên (để thi hành án);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc